

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Quý IV năm 2016

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	6 - 7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 40
<u>Phụ lục:</u>	
Giải trình biến động kết quả kinh doanh so với kỳ trước	41

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022741, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 6 tháng 3 năm 2008 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 0102671977 vào ngày 5 tháng 8 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 17, được cấp ngày 13 tháng 5 năm 2013.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là xây dựng và cho thuê văn phòng, xây dựng các căn hộ để bán thuộc Dự án Times City có địa chỉ tại số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam và tại số 25, ngõ 13 Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội ("Dự án Vinhomes Times City").

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Địa điểm kinh doanh của Công ty đặt tại số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Mai Hương Nội	Chủ tịch
Ông Phạm Thiệu Hoa	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Hoa	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Thị Kim Thanh	Trưởng ban
Bà Đoàn Thị Bích Ngọc	Thành viên
Bà Đoàn Thị Hà	Thành viên

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Việt Quang	Tổng Giám đốc
Bà Phí Thị Thục Nga	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thiệu Hoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mai Thu Thủy	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Việt Quang.

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho quý 4 năm 2016, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho quý IV năm 2016 để người đọc có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho quý 4 năm 2016.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Việt Quang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 25 tháng 1 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.605.893.819.080	13.527.330.928.719
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	389.942.871.329	485.029.197.909
111	1. Tiền		389.942.871.329	485.029.197.909
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	-	418.092.189.939
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	418.092.189.939
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		987.586.407.731	6.110.457.138.029
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	400.024.215.175	64.986.769.078
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	183.769.629.253	769.468.703.631
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	368.627.391.265	4.793.139.790.100
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	43.898.860.773	486.990.781.875
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(8.733.688.735)	(4.128.906.655)
140	IV. Hàng tồn kho	9	4.826.145.677.491	5.969.800.851.071
141	1. Hàng tồn kho		4.826.145.677.491	5.969.800.851.071
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		402.218.862.529	543.951.551.771
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	305.360.493.428	434.639.344.285
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		41.731.071	41.731.071
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	250.790.200
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	96.816.638.030	109.019.686.215

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.739.522.001.485	7.194.803.475.070
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.751.204.560	9.211.531.943
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	3.989.915.115	7.559.839.165
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	1.761.289.445	1.651.692.778
220	II. Tài sản cố định		728.883.809.781	368.518.341.418
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	728.832.582.191	368.414.405.683
222	Nguyên giá		767.660.528.490	388.958.121.646
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(38.827.946.299)	(20.543.715.963)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13.	51.227.590	103.935.735
228	Nguyên giá		613.785.952	588.785.952
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(562.558.362)	(484.850.217)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	214.420.097.602	224.400.932.228
231	1. Nguyên giá		245.084.019.346	244.727.738.582
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(30.663.921.744)	(20.326.806.354)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		523.911.250.317	194.067.238.832
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	15	523.911.250.317	194.067.238.832
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	17.262.648.436.478	6.393.076.960.200
251	1. Đầu tư vào công ty con	16.1	11.165.423.384.078	2.466.500.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	16.2	2.072.167.400.000	2.236.080.000.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	16.3	3.975.057.652.400	1.690.496.960.200
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	16.4	50.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.907.202.747	5.528.470.449
262	1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.3	3.907.202.747	5.528.470.449
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		25.345.415.820.565	20.722.134.403.789

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		19.921.318.403.172	17.365.734.435.211
310	I. Nợ ngắn hạn		19.879.625.468.856	16.343.068.588.214
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17.1	1.349.240.023.178	513.265.692.568
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17.2	8.054.686.483.869	7.927.693.636.198
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	389.270.923.091	73.232.052.452
314	4. Phải trả người lao động		184.994.526	158.972.340
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19.	967.610.174.980	826.272.684.330
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.339.362.728	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	2.325.713.944.782	3.115.081.746.607
320	8. Vay ngắn hạn	21	6.790.579.561.702	3.887.363.803.719
330	II. Nợ dài hạn		41.692.934.316	1.022.665.846.997
337	1. Phải trả dài hạn khác		5.370.112.546	3.873.287.640
338	2. Vay dài hạn	21	-	991.439.065.769
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	22	36.322.821.770	27.353.493.588
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.424.097.417.393	3.356.399.968.578
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	5.424.097.417.393	3.356.399.968.578
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.424.097.417.393	1.356.399.968.578
421a	- Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến cuối năm trước		1.356.399.968.578	720.689.957.200
421b	- Lợi nhuận sau thuế năm nay		2.067.697.448.815	635.710.011.378
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		25.345.415.820.565	20.722.134.403.789

Trần Thanh Tâm
Người lập

Bùi Thị Hà
Kế toán trưởng



Ngày 25 tháng 1 năm 2017

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
1	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	8.996.833.417.792	147.628.397.404	9.518.319.150.184	4.103.020.449.878
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	8.996.833.417.792	147.628.397.404	9.518.319.150.184	4.103.020.449.878
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	25	(5.153.455.247.616)	40.426.370.825	(5.382.689.610.955)	(2.701.903.049.050)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.843.378.170.176	188.054.768.229	4.135.629.539.229	1.401.117.400.828
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	8.258.133.273	47.815.988.696	387.794.352.826	82.347.721.108
22	7. Chi phí tài chính	26	(451.262.790.331)	(64.975.386.360)	(629.012.671.128)	(219.876.059.698)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(116.519.194.984)	(67.996.819.321)	(294.224.985.270)	(221.074.470.974)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(859.911.255.939)	(84.880.180.049)	(913.746.402.275)	(378.406.384.872)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(240.425.791.927)	(52.704.159.791)	(336.973.958.711)	(190.667.157.500)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		2.300.036.465.252	33.311.030.725	2.643.690.859.941	694.515.519.866
31	11. Thu nhập khác	29	20.961.299.197	58.545.096.569	28.130.697.089	127.864.525.830
32	12. Chi phí khác	29	(9.344)	(1.903.563)	(18.504.591.031)	(87.433.097)
40	13. Lợi nhuận khác	29	20.961.289.853	58.543.193.006	9.626.106.058	127.777.092.733

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)
 cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02a-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.320.997.755.105	91.854.223.731	2.653.316.965.999	822.292.612.599
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(547.159.081.658)	(28.307.252.010)	(583.998.249.482)	(192.111.071.670)
52	16. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	30.3	3.907.202.747	5.528.470.449	(1.621.267.702)	5.528.470.449
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.777.745.876.194	69.075.442.170	2.067.697.448.815	635.710.011.378



Trần Thanh Tâm
 Người lập
 Ngày 29 tháng 10 năm 2016



Bùi Thị Hà
 Kế toán trưởng



Nguyễn Mạc Quang
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1	Lợi nhuận trước thuế		2.653.316.965.999	822.292.612.599
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
2	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	12; 13; 14	28.768.352.963	28.219.252.280
3	Các khoản dự phòng		13.574.110.262	3.115.986.030
	Lãi do chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		-	-
4	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(12.369.062)	-
5	Lãi từ hoạt động đầu tư		(52.779.322.078)	(82.347.721.108)
6	Chi phí lãi vay		294.224.985.270	221.074.470.974
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.937.092.723.354	992.354.600.775
9	Giảm các khoản phải thu		1.182.895.449.142	1.016.130.010.188
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		1.155.858.221.765	(707.462.343.943)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(564.143.354.948)	8.755.969.830.979
12	Tăng/(giảm) chi phí trả trước		129.340.378.933	(468.033.609.338)
14	Tiền lãi vay đã trả		(67.084.510.804)	(566.520.284.931)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.2	(336.709.069.907)	(265.156.018.040)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.437.249.837.535	8.757.282.185.690
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(485.417.474.759)	(100.577.503.360)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(536.300.738.202)	(7.620.740.083.992)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		5.332.475.251.026	3.200.279.238.678
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.399.674.714.672)	(1.460.597.960.200)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.245.403.238.394	3.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		402.677.754.489	59.905.514.152
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(6.440.836.683.724)	(5.918.730.794.722)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHI TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		7.684.688.771.606	7.869.642.343.542
34	Tiền trả nợ gốc vay và nợ trái phiếu		(5.776.200.621.059)	(10.420.937.027.506)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		1.908.488.150.547	(2.551.294.683.964)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(95.098.695.642)	287.256.707.004
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		485.029.197.909	197.772.490.905
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		12.369.062	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	389.942.871.329	485.029.197.909



Trần Thanh Tâm
Người lập



Bùi Thị Hà
Kế toán trưởng



Ngày 25 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103022741, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp vào ngày 6 tháng 3 năm 2008 và được cấp lại Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 0102671977 vào ngày 5 tháng 8 năm 2010. Công ty sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 17, được cấp ngày 13 tháng 5 năm 2013.

Hoạt động chính trong kỳ của Công ty là xây dựng và cho thuê văn phòng, xây dựng các căn hộ để bán thuộc Dự án Vinhomes Times City có địa chỉ tại số 458, phố Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam và tại số 25, ngõ 13 Lĩnh Nam, phường Mai Động, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội ("Dự án Vinhomes Times City").

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thiện, do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động chuyển nhượng bất động sản của Công ty là trong vòng từ 12 tháng đến 36 tháng. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 3 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 16.1.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết như được trình bày tại Thuyết minh số 16.2.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản, quyền sử dụng đất được mua hoặc được xây dựng để bán hoặc để cho thuê dài hạn đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu một lần trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, các chi phí phát triển đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuê chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm tổng giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chỉ phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo tài chính riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	47 năm
Máy móc và thiết bị	9 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Tài sản khác	4 năm

3.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	47 năm
Tài sản khác	9 - 10 năm

Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa được mô tả trong đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.14 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Khách hàng ứng trước

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua nhà ở, căn hộ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản “Người mua trả tiền trước” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Các khoản tiền nhận từ khách hàng theo hợp đồng vay vốn được phản ánh trong tài khoản “Phải trả khác” trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu từ cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Doanh thu từ hoạt động hợp tác đầu tư

Thu nhập từ hoạt động hợp tác đầu tư được xác định là phần doanh thu được chia sẻ và xác định một cách chắc chắn theo hợp đồng hợp tác đầu tư.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các dịch vụ được cung cấp cho khách hàng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác định.

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

► Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

► Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

► Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

► Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	5.732.951	75.618.952
Tiền gửi ngân hàng	<u>389.937.138.378</u>	<u>484.953.578.957</u>
TỔNG CỘNG	<u>389.942.871.329</u>	<u>485.029.197.909</u>
 Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ tính theo nguyên tệ:		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	6.629	6.640

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi ngân hàng	-	-	140.740.083.992	140.740.083.992
- Các khoản tiền gửi dài hạn đến hạn thu hồi	-	-	277.352.105.947	277.352.105.947
TỔNG CỘNG	-	-	418.092.189.939	418.092.189.939

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
Phải thu từ đối tác doanh nghiệp	391.507.760.474	58.511.179.390
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	36.712.658.040	36.712.658.040
- Các khoản phải thu từ các đối tác khác	354.795.102.434	21.798.521.350
Phải thu khác	8.516.454.701	6.475.589.688
TỔNG CỘNG	<u>400.024.215.175</u>	<u>64.986.769.078</u>

6.2 Trả trước cho người bán

Đây là số dư ứng trước cho các nhà cung cấp, nhà thầu thi công và các đơn vị tư vấn tham gia vào Dự án Vinhomes Times City.

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
Ngắn hạn:		
Các khoản cho vay đến hạn thu hồi	364.426.653.063	22.139.790.100
Các khoản cho vay các đối tác khác	4.200.738.202	4.771.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>368.627.391.265</u>	<u>4.793.139.790.100</u>
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(8.733.688.735)	(4.128.906.655)
Dài hạn:		
Các khoản cho vay các đối tác doanh nghiệp	3.989.915.115	7.559.839.165
TỔNG CỘNG	<u>3.989.915.115</u>	<u>7.559.839.165</u>

8. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
Ngắn hạn:		
Phải thu lãi vay và lãi tiền gửi	23.062.015.820	38.015.368.188
Kỹ quỹ, đặt cọc ngắn hạn khác	7.300.000.000	-
Phải thu từ tài khoản quản lý dòng tiền tập trung	9.493.033.629	446.499.275.228
Phải thu ngắn hạn khác	4.043.811.324	2.476.138.459
TỔNG CỘNG	<u>43.898.860.773</u>	<u>486.990.781.875</u>
Dài hạn:		
Phải thu dài hạn khác	1.761.289.445	1.651.692.778
TỔNG CỘNG	<u>1.761.289.445</u>	<u>1.651.692.778</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Bất động sản để bán đang xây dựng (i)	4.792.150.495.246	5.925.886.077.510
Bất động sản để bán đã xây dựng hoàn thành	<u>33.995.182.245</u>	<u>43.914.773.561</u>
TỔNG CỘNG	<u>4.826.145.677.491</u>	<u>5.969.800.851.071</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần của hàng tồn kho	<u>4.826.145.677.491</u>	<u>5.969.800.851.071</u>

(i) Đây là chi phí xây dựng bất động sản để bán, chủ yếu bao gồm các chi phí trực tiếp liên quan đến việc xây dựng hạng mục căn hộ để bán thuộc Dự án Vinhomes Times City và các chi phí chung được phân bổ khác như tiền sử dụng đất, chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí đi vay được vốn hóa, chi phí quy hoạch và thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các chi phí liên quan khác.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp	89.606.187.689	87.778.670.575
Chi phí hoa hồng bán hàng liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao	209.768.308.991	339.189.167.134
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>5.985.996.748</u>	<u>7.671.506.576</u>
TỔNG CỘNG	<u>305.360.493.428</u>	<u>434.639.344.285</u>

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Hệ thống thiết bị điện (i)	<u>96.816.638.030</u>	<u>109.019.686.215</u>
TỔNG CỘNG	<u>96.816.638.030</u>	<u>109.019.686.215</u>

(i) Đây là hệ thống thiết bị điện sẽ được Công ty chuyển giao lại cho Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hà Nội.

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số dư đầu năm	387.324.112.359	-	1.386.052.468	187.593.183	60.363.636	388.958.121.646
Phân loại lại	(49.959.754.687)	50.029.490.793	48.557.987	(118.294.093)	-	-
Tăng trong năm	330.056.637.777	48.715.068.157	-	-	-	378.771.705.934
Trong đó:						
Tăng khác	330.056.637.777	48.715.068.157	-	-	-	378.771.705.934
Giảm trong năm	-	-	-	(69.299.090)	-	(69.299.090)
Trong đó:						
Giảm khác	-	-	-	(69.299.090)	-	(69.299.090)
Số dư cuối năm	<u>667.420.995.449</u>	<u>98.744.558.950</u>	<u>1.434.610.455</u>	<u>-</u>	<u>60.363.636</u>	<u>767.660.528.490</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Số dư đầu năm	19.102.675.588	-	1.193.083.556	187.593.183	60.363.636	20.543.715.963
Phân loại lại	(8.219.954.372)	8.338.248.465	-	(118.294.093)	-	-
Tăng trong năm	10.475.169.006	7.639.258.682	239.101.740	-	-	18.353.529.428
Trong đó:						
Khấu hao trong năm	10.475.169.006	7.639.258.682	239.101.740	-	-	18.353.529.428
Giảm trong năm	-	-	-	(69.299.090)	-	(69.299.090)
Trong đó:						
Giảm khác	-	-	-	(69.299.090)	-	(69.299.090)
Số dư cuối năm	<u>21.357.890.221</u>	<u>15.977.507.147</u>	<u>1.432.185.295</u>	<u>-</u>	<u>60.363.636</u>	<u>38.827.946.299</u>
Giá trị còn lại:						
Số dư đầu năm	<u>368.221.436.771</u>	<u>-</u>	<u>192.968.912</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>368.414.405.683</u>
Số dư cuối năm	<u>646.063.105.228</u>	<u>82.767.051.803</u>	<u>2.425.160</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>728.832.582.191</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

*Đơn vị tính: VND
Phần mềm máy tính*

Nguyên giá:

Số dư đầu năm	588.785.952
Tăng trong năm	25.000.000
Số dư cuối năm	<u>613.785.952</u>

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số dư đầu năm	484.850.217
Tăng trong năm	77.708.145
Số dư cuối năm	<u>562.558.362</u>

Giá trị còn lại:

Số dư đầu năm	103.935.735
Số dư cuối năm	<u><u>51.227.590</u></u>

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất không có thời hạn	Máy móc và thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số dư đầu năm	205.597.295.043	4.566.717.646	34.563.725.893	244.727.738.583
Phân loại lại	(21.745.256.197)	(1.492.085.858)	23.237.342.056	-
Tăng trong năm	356.280.763	-	-	356.280.763
Trong đó:				
Tăng khác	356.280.763			356.280.763
Số dư cuối năm	<u>184.208.319.609</u>	<u>3.074.631.788</u>	<u>57.801.067.949</u>	<u>245.084.019.346</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số dư đầu năm	10.200.665.099	-	10.126.141.255	20.326.806.354
Phân loại lại	(2.513.478.735)		2.513.478.735	-
Tăng trong năm	3.914.774.506	-	6.422.340.884	10.337.115.390
Trong đó:				
Khấu hao trong năm	3.914.774.506		6.422.340.884	10.337.115.390
Số dư cuối năm	<u>11.601.960.870</u>	<u>-</u>	<u>19.061.960.874</u>	<u>30.663.921.744</u>
Giá trị còn lại:				
Số dư đầu năm	<u>195.396.629.944</u>	<u>4.566.717.646</u>	<u>24.437.584.638</u>	<u>224.400.932.228</u>
	<u>172.606.358.739</u>	<u>3.074.631.788</u>	<u>38.739.107.075</u>	<u>214.420.097.602</u>

Bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của cấu phần văn phòng cho thuê và diện tích bãi đỗ xe dưới tòa T18 thuộc Dự án Vinhomes Times City.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí trực tiếp liên quan đến việc xây dựng hạng mục trung tâm thương mại và các hạng mục khác thuộc giai đoạn 2 của Dự án Vinhomes Times City và các chi phí chung được phân bổ khác như tiền sử dụng đất, chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí đi vay được vốn hóa, chi phí quy hoạch và thiết kế, chi phí quản lý xây dựng và các chi phí liên quan khác.

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>			<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>		
	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý Dự phòng</i>		<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị hợp lý Dự phòng</i>	
Đầu tư vào công ty con	11.165.423.384.078	11.165.423.384.078	-	2.466.500.000.000	2.466.500.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	2.072.167.400.000	2.072.167.400.000	-	2.236.080.000.000	2.236.080.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4.025.057.652.400	4.025.057.652.400	-	1.690.496.960.200	1.690.496.960.200	-
TỔNG CỘNG	<u>17.262.648.436.478</u>	<u>17.262.648.436.478</u>	-	<u>6.393.076.960.200</u>	<u>6.393.076.960.200</u>	-

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con

					<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích (%)</i>	<i>Trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính</i>	
1	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	99,00	99,00	Số 7 Đường Bằng Lăng 1, Khu Đô thị Sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, HN	Bán lẻ tại các trung tâm thương mại hoặc cửa hàng tiện ích	
2	Công ty TNHH Vinpealland	98,19	98,19	Đảo Hòn Tre, phường Vĩnh Nguyên, TP Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	
3	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sinh Thái	80,94	80,94	Số 191 Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, HN	Tư vấn, môi giới, đầu giá BĐS, quyền sử dụng đất, cho thuê máy móc, thiết bị, dịch vụ ăn uống, dịch vụ	

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số lượng cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec (i)	-	-	118.800.000	1.188.000.000.000
Công ty CP Đồng Phú Hưng - Bình Thuận (ii)	-	-	34.580.000	788.500.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ VinDS	(*)	693.000.000.000	(*)	490.000.000.000
Công ty TNHH Vinpearlland (iii)	(*)	4.459.390.861.278	-	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sinh Thái (iv)	242.810.503	6.013.032.522.800	-	-
TỔNG CỘNG		<u><u>11.165.423.384.078</u></u>		<u><u>2.466.500.000.000</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (i) Vào ngày 14 tháng 11 năm 2016, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP, Công ty mẹ, trong Công ty CP Bệnh viện đa khoa Quốc tế Vinmec (Công ty Vinmec) tăng lên thông qua giao dịch mua 100% số lượng cổ phiếu Công ty Vinmec phát hành thêm, theo đó tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Vinmec đã giảm xuống còn 45,05% và qua đó Công ty Vinmec trở thành Công ty liên kết với Công ty (Thuyết minh 16.2).
- (ii) Ngày 26 tháng 10 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng 90% cổ phần Công ty Đồng Phú Hưng Bình Thuận cho một số tổ chức.
- (*) Đây là công ty trách nhiệm hữu hạn.
- (iii) Ngày 26 tháng 9 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng Công ty TNHH Vinpearlland từ Tập đoàn Vingroup – Công ty CP, Công ty mẹ, và qua đó Công ty Vinpearlland đã trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ sở hữu tại ngày báo cáo là 98,19%.
- (iv) Ngày 15 tháng 12 năm 2016, Công ty đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng 80,94% Cổ phần Công ty Sinh Thái với tổng giá phí 6.013 tỷ đồng từ các cá nhân và qua đó Công ty Sinh Thái trở thành công ty con của Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết và tỷ lệ biểu quyết của Công ty trong các công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	45,05	45,05	Số 458, Phố Minh Khai, Phường Vĩnh Tuy, Quận hai Bà Trưng, HN	► Cung cấp các dịch vụ bệnh viện
2	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất phát triển Nông nghiệp Vineco	30,00	30,00	Số 7 đường Bằng Lăng 1, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, Việt Nam	► Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Số lượng cổ phiếu	Giá trị
Công ty Cổ phần Vincom Retail (i)	-	-	223.608.000	2.236.080.000.000
Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec	147.167.740	1.471.677.400.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất phát triển Nông nghiệp Vineco	(*)	600.490.000.000	-	-
TỔNG CỘNG		2.072.167.400.000		2.236.080.000.000

Đơn vị tính: VND

(i) Vào ngày 12 tháng 12 năm 2016, việc tăng vốn điều lệ của Công ty Vincom Retail làm tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty này còn 15,52%, qua đó Công ty Vincom Retail không còn là công ty liên kết của Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Công ty Cổ phần Vincom Retail (i)	2.353.931.000.000	-
Công ty Cổ phần Vinpearl	1.303.517.300.200	1.555.106.960.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Vinpearl	251.589.660.000	-
Công ty TNHH TM&DV Vinpro	-	60.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Logistics Siêu Tốc	-	4.725.000.000
Công Ty TNHH Kinh Doanh Bất Động Sản Vinhomes 2	360.000.000	360.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Vincom 3	24.000.000.000	9.300.000.000
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Phát triển Đô thị Ngôi Sao Phương Nam	5.900.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Hoa Hướng Dương	-	55.005.000.000
Công ty CP Phát triển Thể thao và Giải trí Mễ Trì	32.350.863.000	-
Công ty CP Năng lượng Hải Linh	3.408.829.200	-
TỔNG CỘNG	3.975.057.652.400	1.690.496.960.200

16.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trái phiếu Vietcombank CN Ba Đình (i)	50.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	50.000.000.000	-

(i) Đây là Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu Vietcombank 2016 mã số VCB_BOND_CC_2016_00032; kỳ hạn 10 năm; lãi suất năm đầu tiên là 7.57%/năm.

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

17.1 Phải trả người bán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải trả ngắn hạn cho người bán	578.116.663.804	500.020.981.289
<i>Công ty CP Đầu tư và Thương mại Thái Hòa</i>	-	202.115.146.454
<i>Đối tác doanh nghiệp cung cấp thiết bị lắp đặt cho dự án Vinhomes Times City</i>	-	151.183.233.858
<i>Phải trả các đối tượng khác</i>	578.116.663.804	146.722.600.977
Phải trả khác	771.123.359.374	13.244.711.279
TỔNG CỘNG	<u>1.349.240.023.178</u>	<u>513.265.692.568</u>

17.2 Người mua trả tiền trước

Đây là số dư các khoản thanh toán theo tiến độ của các hợp đồng mua căn hộ tại Dự án Vinhomes Times City đối với các khách hàng cá nhân theo các hợp đồng mua bán đã ký với Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Thuế giá trị gia tăng	15.566.327.317	419.257.533.656	352.346.215.430	82.477.645.543
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 30)	57.661.290.425	585.825.766.595	336.709.069.907	306.777.987.113
Thuế thu nhập cá nhân	4.434.709	112.863.956	110.902.508	6.396.157
Các loại thuế khác	-	20.106.934.669	20.098.040.391	8.894.278
TỔNG CỘNG	<u>73.232.052.451</u>	<u>1.025.303.098.876</u>	<u>709.264.228.236</u>	<u>389.270.923.091</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Lãi trái phiếu và lãi vay phải trả	393.870.640.358	48.470.555.117
Trích trước giá vốn của bất động sản đã chuyển nhượng	265.683.378.385	136.348.198.783
Trích trước chi phí xây dựng	270.277.663.608	577.359.045.487
Trích trước chi phí liên quan đến các căn hộ chưa bàn giao và chi phí khác	37.778.492.629	53.320.225.222
Các khoản chi phí phải trả khác	-	10.774.659.721
TỔNG CỘNG	<u>967.610.174.980</u>	<u>826.272.684.330</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Tiền thu từ khách hàng mua căn hộ	1.880.388.618.816	2.686.477.256.630
Đặt cọc từ khách hàng mua căn hộ, khách thuê mặt bằng và khác	53.945.966.825	201.656.614.301
Kinh phí bảo trì của các căn hộ đã bàn giao	296.078.519.457	219.087.788.847
Các khoản phải trả khác	95.300.839.684	7.860.086.829
TỔNG CỘNG	<u>2.325.713.944.782</u>	<u>3.115.081.746.607</u>

21. VAY

Vay ngắn hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay ngắn hạn (i)	6.790.579.561.702	3.740.000.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	147.363.803.719
TỔNG CỘNG	<u>6.790.579.561.702</u>	<u>3.887.363.803.719</u>

Vay dài hạn

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Đơn vị tính: VND Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Vay ngân hàng (i)	-	442.091.411.155
Trong đó: Nợ dài hạn đến hạn trả	-	(147.363.803.719)
Trái phiếu phát hành (ii)	-	696.711.458.333
TỔNG CỘNG	<u>-</u>	<u>991.439.065.769</u>

(i) Đây là các khoản vay ngắn hạn các công ty trong Tập đoàn như sau:

- Tập đoàn Vingroup - Công ty CP: 2.678.435.175.899 VND
- Công ty CP Đầu tư Kinh doanh và Phát triển đô thị Ngôi Sao Phương Nam: 606.300.000.000 VND
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển đô thị Sài Đồng: 405.844.385.803 VND
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc: 2.110.000.000.000 VND
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Tân Liên Phát: 900.000.000.000 VND.

(ii) Công ty đã hoàn tất việc mua lại trước hạn trái phiếu Vietinbank vào ngày 22 tháng 2 năm 2016 và tất toán trước hạn khoản vay BIDV Quang Trung vào ngày 29 tháng 12 năm 2016.

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Đây là khoản dự phòng chi phí sửa chữa các căn hộ tại dự án Vinhomes Times City theo điều khoản bảo hành trong hợp đồng mua bán căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Năm trước			
Số đầu năm	2.000.000.000.000	720.689.957.200	2.720.689.957.200
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	635.710.011.378	635.710.011.378
Số cuối năm	<u>2.000.000.000.000</u>	<u>1.356.399.968.578</u>	<u>3.356.399.968.578</u>
Năm nay			
Số đầu năm	2.000.000.000.000	1.356.399.968.578	3.356.399.968.578
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	2.067.697.448.815	2.067.697.448.815
Số cuối năm	<u>2.000.000.000.000</u>	<u>3.424.097.417.393</u>	<u>5.424.097.417.393</u>

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay	Đơn vị tính: VND Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Số cuối năm	<u>2.000.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
Tổng doanh thu	8.996.833.417.792	147.628.397.404
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>8.952.715.302.784</i>	<i>107.700.945.613</i>
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ khác</i>	<i>35.798.717.408</i>	<i>30.987.811.734</i>
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh</i>	<i>8.319.397.600</i>	<i>8.939.640.057</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	8.996.833.417.792	147.628.397.404
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản</i>	<i>8.952.715.302.784</i>	<i>107.700.945.613</i>
<i>Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ khác</i>	<i>35.798.717.408</i>	<i>30.987.811.734</i>
<i>Doanh thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh</i>	<i>8.319.397.600</i>	<i>8.939.640.057</i>

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
Lãi tiền gửi và cho vay	8.255.204.692	47.815.988.696
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.928.581	-
TỔNG CỘNG	8.258.133.273	47.815.988.696

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015
		<i>Đơn vị tính: VND</i>
Giá vốn bất động sản chuyển nhượng	5.186.539.997.558	70.398.197.217
Điều chỉnh giảm giá vốn bất động sản chuyển nhượng các kỳ trước	(73.557.477.608)	(149.464.398.298)
Chi phí cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ liên quan	31.850.762.893	33.432.551.391
Giá vốn liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh	8.621.964.773	5.207.278.865
TỔNG CỘNG	5.153.455.247.616	(40.426.370.825)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý IV năm 2016</i>	<i>Quý IV năm 2015</i>
Chi phí lãi vay	116.519.194.984	67.996.819.321
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	334.700.000.000	-
Chi phí tài chính khác	43.595.347	(3.021.432.961)
TỔNG CỘNG	451.262.790.331	64.975.386.360

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý IV năm 2016</i>	<i>Quý IV năm 2015</i>
Chi phí bán hàng liên quan đến căn hộ bàn giao	850.174.685.436	84.800.766.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	9.736.570.503	79.413.056
TỔNG CỘNG	859.911.255.939	84.880.180.049

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý IV năm 2016</i>	<i>Quý IV năm 2015</i>
Chi phí nhân công	828.904.093	640.111.098
Chi phí tài trợ	174.580.925.789	50.128.635.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.015.962.045	1.935.413.504
TỔNG CỘNG	240.425.791.927	52.704.159.791

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Quý IV năm 2016</i>	<i>Quý IV năm 2015</i>
Thu nhập khác	20.961.299.197	58.545.096.569
Lãi từ hoạt động góp vốn đầu tư	17.573.835.456	57.309.672.244
Thu nhập khác	3.387.463.741	1.235.424.325
Chi phí khác	9.344	1.903.563
Chi phí khác	9.344	1.903.563
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	20.961.289.853	58.543.193.006

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm 2016</i>	<i>Năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	583.998.249.482	192.111.071.670
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.621.267.702	(5.528.470.449)
TỔNG CỘNG	585.619.517.184	186.582.601.221

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế tính thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm 2016</i>	<i>Năm 2015</i>
Lợi nhuận thuần trước thuế	2.653.316.965.999	822.292.612.599
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	101.206.039.358	4.512.452.009
Thu nhập từ cổ tức	(144.000.000.000)	-
Chi phí lãi vay ứng với phần vốn chưa góp đủ	30.275.547	7.738.222.358
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	19.536.013.737	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(12.369.062)	-
Chi phí bán hàng chưa được khấu trừ	-	25.129.411.133
Chi phí bán hàng được khấu trừ năm nay	(25.129.411.133)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	2.604.947.514.446	859.672.698.099
(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác	(315.043.732.963)	121.807.429.409
Lãi từ hoạt động kinh doanh bất động sản	2.919.991.247.409	737.865.268.690
Thu nhập chịu thuế ước tính trong năm	2.919.991.247.409	859.672.698.099
Chi phí thuế TNDN phải nộp ước tính trong năm	583.998.249.482	189.127.993.603
Thuế TNDN phải trả đầu năm	57.661.290.425	63.635.393.423
Thuế TNDN tạm tính cho khoản thanh toán theo tiến độ của khách hàng	69.827.879.383	89.386.729.361
Thuế TNDN tạm nộp trong năm trước cho khoản thanh toán theo tiến độ của khách hàng được bù trừ trong năm	(68.000.362.270)	(22.315.885.989)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(336.709.069.907)	(265.156.018.040)
Điều chỉnh khác	-	2.983.078.067
Thuế TNDN phải trả cuối năm (Thuyết minh số 18)	306.777.987.113	57.661.290.425

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán riêng		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí bán hàng phục vụ dự án Vinhomes Times City - Park Hill	3.907.202.747	5.528.470.449	3.907.202.747	5.528.470.449
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần	3.907.202.747	5.528.470.449		
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng			3.907.202.747	5.528.470.449

Lỗ chuyển sang năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có khoản lỗ với tổng giá trị là 315.043.732.963 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai (không bao gồm lợi nhuận phát sinh trong tương lai liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản).

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2016	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2016
2016	2121	(315.043.732.963)	-	(315.043.732.963)
TỔNG CỘNG		(315.043.732.963)	-	(315.043.732.963)

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ nêu trên do không thể dự tính được chắc chắn lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty.



Trần Thanh Tâm
Người lập



Bùi Thị Hà
Kế toán trưởng



Ngày 25 tháng 1 năm 2017

Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội

PHỤ LỤC 1 – GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG KẾT QUẢ KINH DOANH (BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG) SO VỚI KỲ TRƯỚC

<Theo thông tư 115/2015/TT-BTC, ngày 6/10/2015>

PL	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính: VND			
		Quý IV năm 2016	Quý IV năm 2015	Chênh lệch	%
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.996.833.417.792	147.628.397.404	8.849.205.020.388	5994,24%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	-	
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.996.833.417.792	147.628.397.404	8.849.205.020.388	5994,24%
11	Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	(5.153.455.247.616)	40.426.370.825	(5.193.881.618.441)	-12847,76%
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.843.378.170.176	188.054.768.229	3.655.323.401.947	1943,75%
21	Doanh thu hoạt động tài chính	8.258.133.273	47.815.988.696	(39.557.855.423)	-82,73%
22	Chi phí tài chính	(451.262.790.331)	(64.975.386.360)	(386.287.403.971)	594,51%
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	(116.519.194.984)	(67.996.819.321)	(48.522.375.663)	71,36%
25	Chi phí bán hàng	(859.911.255.939)	(84.880.180.049)	(775.031.075.890)	913,09%
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(240.425.791.927)	(52.704.159.791)	(187.721.632.136)	356,18%
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.300.036.465.252	33.311.030.725	4.964.805.658.521	14904,39%
31	Thu nhập khác	20.961.299.197	58.545.096.569	(37.583.797.372)	-64,20%
32	Chi phí khác	(9.344)	(1.903.563)	1.894.219	-99,51%
40	Lợi nhuận khác	20.961.289.853	58.543.193.006	(37.581.903.153)	-64,20%
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.320.997.755.105	91.854.223.731	2.229.143.531.374	2426,83%
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(547.159.081.658)	(28.307.252.010)	(518.851.829.648)	1832,93%
52	(Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	3.907.202.747	5.528.470.449	(1.621.267.702)	-100,00%
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1.777.745.876.194	69.075.442.170	1.708.670.434.024	2473,63%

Giải trình nguyên nhân biến động trong trường hợp KQKD giữa hai kỳ báo cáo biến động từ 10% trở lên:

- Doanh thu và giá vốn tăng so với kỳ trước chủ yếu ở hoạt động bán bất động sản: do quý 4 này là giai đoạn cao điểm bàn giao ghi nhận doanh thu cho các căn hộ Park Hill của giai đoạn 2.
- Doanh thu từ hoạt động tài chính giảm mạnh so với cùng kỳ chủ yếu do kỳ này không còn phát sinh nhiều các khoản cho vay so với cùng kỳ năm ngoái.
- Chi phí hoạt động tài chính tăng so với cùng kỳ chủ yếu do tiền lãi phát sinh từ các hợp đồng đi vay mới từ tháng 9.
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý tăng chủ yếu do biến động của doanh thu bất động sản.
- Thu nhập khác giảm chủ yếu do kỳ năm ngoái phát sinh nhiều khoản thu từ phạt khách hàng chậm thanh toán theo tiến độ giải ngân mua căn hộ quy định trong hợp đồng mua bán. Chi phí khác giảm do trong kỳ không phát sinh các khoản chi phí bất thường.
- Doanh thu tăng mạnh là nguyên nhân làm tăng lợi nhuận trong kỳ cũng như tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty.
- Do kỳ này bắt đầu phát sinh doanh thu bán căn hộ Park Hill nên khoản thuế TNDN hoãn lại giảm tương ứng với chi phí bán hàng đã phát sinh trong năm 2015 được khấu trừ trong năm 2016.